TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M** **THÀNH PHỐ N**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **539/2022**/QĐST-HNGĐ	*M, ngày 07 tháng 11 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ L số: 477/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1946

Nơi đăng ký HKTT và cư trú tại: Số 52, ngõ 24, đường P, phường M, quận Đ, thành phố N

- Bị đơn: Bà **Bùi Thị Kim T**, sinh năm 1961

Nơi đăng ký HKTT và cư trú tại: Số nhà 12 T, tổ 4, tổ dân phố B, thị trấn M, huyện M, thành phố N.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày **28** tháng **10** năm **2022**

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày **28** tháng **10** năm **2022** là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Nguyễn Văn L và bà Bùi Thị Kim T

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Ông Nguyễn Văn L và bà Bùi Thị Kim T xác nhận không có con chung.

2.2. Về tài sản chung, công sức chung: Ông Nguyễn Văn L và bà Bùi Thị Kim T thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết

2.3.Về công nợ chung: Ông Nguyễn Văn L và bà Bùi Thị Kim T thống nhất xác định không có.

2.4. Về án phí: Ông Nguyễn Văn L và bà Bùi Thị Kim T được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân Tp.N;
- Viện kiểm sát nhân dân H.M;
- Chi cục Thi hành án dân sự H.M;
- UBND xã T, huyện M,
thành phố N (Nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng.

THẨM PHÁN

Nguyễn Quang Hiểu